

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2026/DS-PT

Ngày 28-01-2026

V/v tranh chấp đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hà

Ông Phạm Anh Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026T1, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 134/2025/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp đất đai”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST ngày 13 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng – nay là Tòa án nhân dân khu vực 7, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 185/2025/QĐXXPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 188a/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2025; Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 150/TB-TA ngày 19 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thế T; nơi cư trú: Thôn Dương Tiên, xã Nguyễn Bình Khiêm, thành phố Hải Phòng; có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Thế T: Bà Trần Thị Thuý - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng, có mặt;

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị T1; nơi cư trú: Thôn Ngải Đông, xã Nguyễn Bình Khiêm, thành phố Hải Phòng; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Nguyễn Thế Trung, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 506 Lô 4, Tổ 12, phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, thành phố; có mặt;

- Anh Nguyễn Thế Giáp, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Dương Tiên, xã Nguyễn Bình Khiêm, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- Chị Nguyễn Thị Phương; địa chỉ: Thôn Ngãi Đông, xã Trần Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (Nay là: Thôn Ngãi Đông, Xã Nguyễn Bình Khiêm, thành phố Hải Phòng); có mặt;

- Chị Nguyễn Thị Mai; địa chỉ: Thôn Ngãi Đông, xã Trần Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (Nay là: Thôn Ngãi Đông, Xã Nguyễn Bình Khiêm, thành phố Hải Phòng); vắng mặt;

- Chị Nguyễn Thị Thùy Linh; địa chỉ: Thôn Ngãi Đông, xã Trần Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (Nay là: Thôn Ngãi Đông, Xã Nguyễn Bình Khiêm, thành phố Hải Phòng); có mặt;

- Ông Hoàng Đình Khoa; địa chỉ: Thôn Dương Tiên, xã Trần Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

4. Người kháng cáo:

- Ông Nguyễn Thế T - là nguyên đơn.

- Bà Bà Bùi Thị T1 - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, trình bày:*

Năm 1985, chính quyền thành phố tiến hành đào sông Chanh Dương. Khi đó, một số hộ dân thuộc diện được đền bù, tái định cư nên chính quyền xã đã cấp đất mặt đường Quốc lộ 17A. Trong số những người được cấp đất có ông Vũ Văn Lộc (ở thôn Dương Tiên). Ông Lộc đã đào ao, xây móng nhà 04 gian trên mảnh đất được cấp. Sau khi cấp xong, còn dư lại một số mảnh đất nên UBND xã Trần Dương ưu tiên cấp đất cho gia đình có cán bộ chiến sĩ đang chiến đấu ở biên giới nước Campuchia và Lào. Toàn bộ xã Trần Dương khi đó chỉ có ông và ông Nguyễn Xuân Đến được cấp mỗi người một mảnh đất. Lúc này, UBND huyện Vĩnh Bảo kiểm tra lại việc đền bù, tái định cư thấy ông Vũ Văn Lộc không thuộc diện đền bù mà được cấp đất nên bị thu hồi. Theo nguyện vọng của gia đình, UBND xã đã chuyển đổi cho ông từ mảnh đất dư sang đất bị thu hồi của nhà ông Lộc. Theo đó, ông phải trả tiền xây móng nhà và san lấp cho ông Vũ Xuân Lộc. Sau đó, vợ chồng ông chính thức ở tại mảnh đất này, phía Đông tiếp giáp với ruộng của ông Nguyễn Văn Khương (bố của ông Nguyễn Văn Khởi) và nhà của ông Khởi, phía Tây tiếp giáp với gia đình ông Vũ Văn Quyết, phía Bắc tiếp giáp với tuyến đường QL17A, phía Nam tiếp giáp với đất ruộng của ông Khương. Mảnh đất có rặng tre sát với đường QL17A, đến ao do ông Lộc đào đất đắp lò làm nhà và phía Đông Bắc là ngõ đi chung giữa nhà ông T và nhà ông Khởi.

Năm 1993, chính quyền địa phương tiến hành đo đạc khu đất để cấp GCNQSDĐ theo quy định. Khi đó mảnh đất của gia đình ông có diện tích: 529m²,

thuộc thửa đất số 29, 30a, tờ bản đồ số 30. Theo trích đo, đất có chiều dài phía Bắc là 16m; chiều dài phía Tây là 33m; chiều dài phía Đông là 31,6m; chiều dài phía Nam gồm 03 đoạn, có tổng chiều dài là 19,5m.

Năm 1996, chính quyền tiến hành cắm mốc giới lưu không đường quốc lộ 17A, ông xây móng nhà ở phía Tây của mảnh đất giáp với đất nhà ông Vũ Văn Quyết. Móng nhà có phía Bắc sát với mốc giới thứ 2 của đường QL17A. Đến năm 1997, ông đã lấy vôi đã ông trước đó xây hoàn thiện nhà và không đi ngõ đi chung với nhà ông Đồi nữa. Cùng năm đó, nhà nước cấp GCNQSDĐ số K 495672 với số đo, sơ đồ, diện tích như trong trích đo do chính quyền cấp năm 1993, trong đó có 340m² diện tích đất ở lâu dài và 189m² đất ao.

Năm 1998, gia đình ông lấp thùng vôi để làm vườn và canh tác trên mảnh đất trên. Đến năm 2000, vợ chồng ông Đồi, bà T1 bán một phần đất phía Tây cho ông Phái và xây nhà sát với ranh giới đất với gia đình ông, có 01 phần móng lấn sang đất của gia đình ông, trong đó có 01 phần của thùng vôi cũ. Sau khi xây dựng xong ngôi nhà, hàng năm vợ chồng ông Đồi, bà T1 thường lợi dụng trồng cây ven bờ ao của gia đình ông và xây công trình phụ ở khu đất sát với bờ ao phía Nam của gia đình ông.

Đến năm 2009, vợ chồng ông Đồi nhờ chính quyền xã đến đo đất để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Khi đo đất ông thấy phần đất phía Đông Nam của gia đình ông bị thiếu đất nên ông không đồng ý ký giáp ranh. Ủy ban nhân dân (UBND) xã đã mời hai gia đình ra hòa giải và yêu cầu không được xây dựng trên phần đất giáp ranh giữa hai gia đình. Vợ chồng ông Đồi, bà T1 không làm được GCNQSDĐ song vẫn xây dựng công trình phụ trên phần đất đã lấn chiếm và thường xuyên đe dọa, chửi bới ông.

Năm 2022, nhà nước mở rộng QL17A và bồi thường cho các gia đình nên gia đình ông Đồi, bà T1 đã xây lại nhà ở trên phần móng cũ. Giữa tháng 10/2022, bà T1 xây công trình phụ trên đất lấn chiếm của gia đình ông nên ông đã yêu cầu gia đình bà T1 dừng thi công để tiến hành đo lại đất, xác định rõ mốc giới. Tuy nhiên, bà T1 không đồng ý, chửi bới và tiếp tục xây dựng. Ông đã làm đơn gửi UBND xã Trấn Dương yêu cầu bà T1 dừng xây dựng công trình và đo lại mốc giới nhưng UBND xã không yêu cầu bà T1 dừng xây dựng. Ngày 09/11/2022, UBND xã tiến hành đo phần đất của gia đình ông và chỉ đo phần đất còn lại của gia đình bà T1, thấy gia đình ông bị thiếu hơn 3,3m đất phía sau nhưng cho rằng khu đất không có tranh chấp nên ra kết luận là không có sự lấn chiếm. Ngày 01/12/2022, UBND xã tổ chức hòa giải giữa hai gia đình với phương châm vận động gia đình ông rút đơn, gia đình ông không chấp nhận kết quả hòa giải nêu trên nên buổi hòa giải không thành.

Nay để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của mình, ông T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo giải quyết: Theo đơn khởi kiện ông T đề nghị Tòa án buộc gia đình bà Bùi Thị T1 hoàn trả lại phần đất đã lấn chiếm phía Đông của gia đình ông với chiều dài là 15m; chiều rộng 3,3m; tổng diện tích là 25m² với giá trị là 25.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án

và tại phiên toà ông T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T đề nghị Toà án buộc gia đình bà Bùi Thị T1 phải hoàn trả lại phần đất đã lấn chiếm phía Đông của gia đình ông với tổng diện tích là 65,2m².

Đối với yêu cầu phản tố của bà T1: Năm 2020, Nhà nước có chủ trương mở rộng Quốc lộ 17B, nên đã lấy lại hành lang lưu không phía Nam của đường QL17B, giáp với các hộ dân ở sát mặt đường. Đồng thời có chủ trương hỗ trợ cho các hộ dân có công giữ gìn, bồi đắp diện tích đất lưu không của Nhà nước cho đến Trước khi hỗ trợ, Chính quyền địa phương đã đo đất, có ký xác nhận của các hộ gia đình, thông báo công khai tại UBND xã Trần Dương 30 ngày, nhưng không có ai có ý kiến gì. Với diện tích đất này, gia đình ông đã quản lý toàn bộ diện tích đất từ ranh giới tiếp giáp với đất nhà ông Vinh ở phía Tây và ranh giới tiếp giáp với nhà bà T1 ở phía Đông, gồm 16m được giao và diện tích đất dư so với được cấp là 1,19m, tổng chiều dài thực tế là 17,19m. Gia đình ông đã có công bồi đắp, gìn giữ phần đất lưu không cho Nhà nước từ khi được cấp đất cho đến khi thu hồi, bà T1 không quản lý và bồi đắp diện tích đất dư trên. Như vậy, việc Nhà nước bồi thường tiền gìn giữ, bồi đắp lưu không cho gia đình ông với toàn bộ chiều dài 17,19m là thoả đáng. Vậy ông T không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà T1.

** Trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên toà, bị đơn trình bày:*

Ông Nguyễn Văn Đồi được bố mẹ và anh chị của ông Đồi cho một mảnh đất tại thửa đất số 31A+32, tờ bản đồ số 30; địa chỉ: Thôn Dương Tiễn, xã Trần Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, diện tích đất cụ thể thì bà không rõ. Năm 1989, bà kết hôn với ông Nguyễn Văn Đồi và xây dựng nhà trên diện tích đất này. Diện tích đất gia đình bà sử dụng hiện chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chỉ có trích đo lập năm 1993. Diện tích đất gia đình bà sử dụng có phần giáp ranh với nhà ông Nguyễn Thế T.

Chồng bà là ông Nguyễn Văn Đồi chết năm 2021, bố mẹ ông Đồi đều chết trước ông Đồi. Bà và ông Đồi có 03 con chung là Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thị Thuỳ Linh. Ngoài ba người con này, ông Đồi và bà không có con chung, con riêng, con nuôi nào khác. Ông Đồi chết không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ gì. Sau khi ông Đồi chết, các hàng thừa kế của ông Đồi không có thoả thuận gì về diện tích đất 390m². Quá trình sử dụng đất vợ chồng bà có chuyển nhượng một phần cho nhà ông Thoái 5m chiều ngang mặt trước và mặt sau 5m, chiều dài không nhớ, sau đó ông Thoái chuyển nhượng lại cho ông Hoàng Đình Khoa. Nay, ông T yêu cầu gia đình bà phải trả lại phần đất đã lấn chiếm bà không đồng ý vì gia đình bà không lấn chiếm đất nhà ông T. Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố. Đề nghị Toà án buộc gia đình ông T phải trả lại gia đình bà phần diện tích đất phía mặt đường 17; chiều ngang 1,2m; chiều dài 5m; tổng diện tích là 6m² và phải hoàn trả lại gia đình bà số tiền do Nhà nước bồi thường làm đường tổng số tiền là 44.480.000 đồng.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bên nguyên đơn - anh Nguyễn Thế Trung, anh Nguyễn Thế Giáp thống nhất với lời khai của ông Nguyễn Thế T.*

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bên bị đơn - chị Nguyễn Thị Phương, chị Nguyễn Thị Mai, chị Nguyễn Thị Thuý Linh* thống nhất với lời khai của bà Bùi Thị T1.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Đình Khoa* trình bày:

Năm 1992, ông có nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn Thoái diện tích 225m² đất tại thửa đất số 31b, tờ bản đồ số 30, tại thôn Dương Tiền, xã Trần Dương, huyện Vĩnh Bảo. Nguồn gốc diện tích đất trên là của vợ chồng ông Nguyễn Văn Đồi, bà Bùi Thị T1. Trước năm 1990, vợ chồng ông Đồi chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Thoái. Tuy nhiên, do thời điểm năm 1990 diện tích đất của nhà ông Đồi chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc chuyển nhượng đất giữa ông Đồi và ông Thoái chỉ viết tay nên đến năm 1992 ông Thoái chuyển nhượng cho ông mọi thủ tục là do ông Đồi chuyển sang tên ông; đến năm 1997 ông được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 225m², đến năm 2019 ông làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng diện tích đất cũng như kích thước các cạnh đều không thay đổi so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997. Năm 2000, ông có nhận chuyển nhượng thêm của ông Nguyễn Văn Khởi về phía Đông của thửa đất số 31b khoảng 100m² đất nhưng phần diện tích đất này không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1999, ông có nhận chuyển nhượng thêm hơn 1 sào đất ao vườn về phía sau thửa đất số 31b phần đất này cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Toàn bộ phần diện tích đất của ông không nằm trong phần diện tích đất tranh chấp nên ông đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

* Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện:

- Về giá đất: Đất ở và đất vườn có giá trị bình quân là 20.000.000 đồng/m²; đất ao có giá trị 60.000 đồng/m².

- Về giá trị tài sản trên đất của bà Bùi Thị T1 gồm 01 nhà cấp 4 trị giá 302.482.886 đồng; 01 lán tôn trị giá 7.801.644 đồng; công trình phụ 186.383.668 đồng; lán tôn kim loại 3.678.062 đồng; cây trồng 300.000 đồng.

Các đương sự đều đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST ngày 13/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng – nay là Tòa án nhân dân khu vực 7, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào các điều 174, 175, 176 của Bộ luật Dân sự; căn cứ vào các điều 170, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ vào Điều 12 Luật người cao tuổi; Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm đ khoản 2 Điều 12, khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế T.

1.1. Buộc bà Bùi Thị T1 phải trả cho ông Nguyễn Thế T diện tích 65,2m² đất tại thửa đất số 29 và thửa đất số 30a tờ bản đồ số 30; địa chỉ: Thôn Dương Tiên, xã Trán Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Trong đó: Trả bằng tiền đối với diện tích 10,7m² đất ở, đất vườn tại thửa đất số 30a và 0,4m² đất ao tại thửa đất 29 (được giới hạn bởi các mốc 6, 7, 8, 9, 10) tương đương với số tiền là 214.240.000 (Hai trăm mười bốn triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng; trả bằng đất đối với diện tích 54,1m² đất ao tại thửa đất 29 tờ bản đồ số 30; địa chỉ: Thôn Dương Tiên, xã Trán Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (được giới hạn bởi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 9, 8, 7, 1).

1.2. Bà Bùi Thị T1 được quyền sử dụng diện tích 10,7m² đất ở và đất vườn tại thửa đất số 30a và 0,4m² đất ao tại thửa đất 29 (được giới hạn bởi các mốc 6, 7, 8, 9, 10).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị T1.

2.1. Buộc ông Nguyễn Thế T phải trả cho bà Bùi Thị T1 diện tích 3,6m² đất tại thửa đất 31a tờ bản đồ số 30; địa chỉ: Thôn Dương Tiên, xã Trán Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (được giới hạn bởi các mốc 10, 11, 12).

2.2. Bác yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị T1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Thế T phải hoàn trả số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng là 44.480.000 (Bốn mươi tư triệu bốn trăm tám mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên dương sự có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh và đăng ký quyền sử dụng đất theo sơ đồ hiện trạng kèm theo bản án, tuyên về lỗi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Nội dung kháng cáo:

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - thành phố Hải Phòng) nhận được Đơn kháng cáo của nguyên đơn. Ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - thành phố Hải Phòng) nhận được Đơn kháng cáo của bị đơn.

- Nguyên đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý trả bị đơn diện tích đất 3,6m² đất tại thửa đất số 31a, tờ bản đồ số 30, địa chỉ: Thôn Dương Tiên, xã Trán Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (được giới hạn bởi các mốc 10, 11, 12).

Nguyên đơn đề nghị Tòa phúc thẩm tuyên: Buộc bà T1 phải tháo dỡ công trình trên đất để trả cho ông Nguyễn Thế T diện tích đất 65,2m² tại thửa đất số 29 và thửa đất số 30a tờ bản đồ số 30; địa chỉ: Thôn Dương Tiên, xã Trán Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng đồng thời tuyên bà T1 phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định và định giá tài sản.

- Bị đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý trả nguyên đơn diện tích đất 65,2m² tại thửa đất số 29 và thửa đất số 30a, tờ bản đồ số 30; địa chỉ: Thôn Dương Tiên, xã Trần Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Bị đơn đề nghị Tòa phúc thẩm tuyên: Gia đình nguyên đơn phải trả bị đơn diện tích đất phía mặt đường 17 với chiều ngang 1,2m; chiều dài từ mặt đường tới hết diện tích đất và buộc nguyên đơn phải trả cho bị đơn số tiền 44.480.000 đồng là số tiền nhà nước bồi thường về đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và phát biểu ý kiến về kháng cáo:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông T: Trong vụ án này, do không có căn cứ xác định mốc giới theo lịch sử hay thoả thuận nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất của hai gia đình nguyên đơn và bị đơn, đối chiếu, lồng ghép với GCNQSD đất; Căn cứ kết quả lồng ghép GCNQSD đất thì thấy đất gia đình ông T sử dụng, theo sơ đồ lồng ghép giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông T với hiện trạng sử dụng đất thì đất nhà ông T thừa 3,6m². Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T phải trả lại phần đất này cho bà Bùi Thị T1 là có căn cứ.

Cũng căn cứ vào kết quả lồng ghép diện tích thể hiện trong GCNQSD đất vào diện tích thực tế thì diện tích đất của nhà ông Nguyễn Thế T thiếu về phía Đông phần đất giáp đất bà T1 là 39,4m² (trong đó có 10,7m² đất ở và đất vườn thuộc thửa đất số 30a và 28,7m², đất ao thuộc thửa đất số 29) và thiếu về phía Nam phần đất giáp bà T1 là 25,8m². Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T1 phải trả lại ông T là có căn cứ. Do tích đất mà bà T1 đã lấn chiếm có một phần bà Toán đã xây dựng công trình kiên cố, toàn bộ công trình đều nằm trên nền móng tường cũ mà bà T1 đã xây dựng nên buộc bà Bùi Thị T1 phải trả lại giá trị bằng tiền đối với phần đất lấn chiếm có công trình kiên cố diện tích là 10,7m² đất để đảm bảo không thiệt hại cho gia đình bà T1 là phù hợp.

Đối với chi phí thẩm định, định giá tài sản, do yêu cầu khởi kiện của ông T, yêu cầu phản tố của bà T1 đều được chấp nhận một phần nên tòa án cấp sơ thẩm buộc mỗi bên phải chịu 1/2 là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thế T.

Xét kháng cáo của bà T1: Theo sơ đồ lồng ghép giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông T với hiện trạng sử dụng đất thì đất nhà ông T thừa 3,6m² tại các mốc 10, 11, 12 nên ông T phải trả lại phần đất này cho bà Bùi Thị

T1, không có căn cứ xác định ông T lấn chiếm đất nhà bà T1 phía mặt đường 17, chiều ngang 1,2m dài hết đất như kháng cáo của bà T1.

Đối với yêu cầu của bà T1 yêu cầu bồi thường số tiền 44.480.000 đồng: Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Trần Dương thì diện tích đất bồi thường không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà là đất hành lang giao thông. Theo biên bản xác minh tại UBND xã Trần Dương thì phần diện tích đất này do gia đình ông Tiểu sử dụng từ trước năm 1993 đến nay. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà T1 là có căn cứ.

Vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị T1

Từ những nhận định trên, đề nghị HĐXX phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thế T và bà Bùi Thị T1; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 21/2025/DS-ST ngày 13/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo - nay là Tòa án nhân dân khu vực 7, thành phố Hải Phòng.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, do ông Nguyễn Thế T và bà Bùi Thị T1 đều là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Thế T và bà Bùi Thị T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết theo đúng quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 13 tháng 6 năm 2025; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 25 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - thành phố Hải Phòng) nhận được Đơn kháng cáo của nguyên đơn. Ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - thành phố Hải Phòng) nhận được Đơn kháng cáo của bị đơn. Như vậy, thời hạn kháng cáo và quyền kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn bảo đảm quy định tại các điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án

triệu tập họp lệ lần thứ hai. Xét thấy việc vắng mặt của họ không vì lý do bất khả kháng; không vì trở ngại khách quan nên căn cứ quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[4] Diện tích đất nhà ông Nguyễn Thế T thể hiện tại các tài liệu sau:

[4.1] Theo Trích đo bình đồ hiện trạng thửa đất số 30a và 29, tờ bản đồ số 30; địa chỉ: Thôn Dương Tiên, xã Trấn Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 495672 do UBND huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 11/9/1997 thể hiện diện tích đất và tứ cận: Phía Đông giáp đất hộ ông Đồi, bà T1 kích thước 20 + 11,6m; phía Bắc giáp quốc lộ 17 kích thước 16m; phía Tây giáp đất ông Quyết kích thước 22 + 11m; phía Nam kích thước 17,5m. Tổng diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 529m².

[4.2] Theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất tại thửa đất số 29, 30a, tờ bản đồ số 30 diện tích đất của nhà ông T có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất hộ ông Đồi, bà T1 kích thước 7,2m + 19,25m (tại các mốc 11, 10, 8, 7, 1); phía Bắc giáp quốc lộ 17 kích thước 16m + 1,02m (tại các mốc 8, 5, 9); phía Tây giáp đất ông Quyết kích thước 30,57m (tại các mốc 13, 14, 15); phía Nam kích thước 6,50m + 7,05m (tại các mốc 15, 2, 1). Tổng diện tích đất nhà ông Nguyễn Thế T theo hiện trạng là 429,3m². Như vậy, diện tích đất hiện trạng nhà ông Nguyễn Thế T so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bị thiếu 99,7m².

[5] Diện tích đất nhà bà Bùi Thị T1 và ông Hoàng Đình Khoa thể hiện tại các tài liệu sau:

[5.1] Theo trích đo bình đồ hiện trạng thửa đất số 31a + 32, tờ bản đồ số 30; địa chỉ: Thôn Dương Tiên, xã Trấn Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, có ghi: Phía Đông giáp đất ông Khởi kích thước 29m + 7m; Phía Bắc giáp quốc lộ 17 kích thước 11,79m; phía Tây giáp đất ông T kích thước 20m + 11m + 7,5m; phía Nam thửa đất số 31 a kích thước 11,2m; thửa đất số 32 kích thước 12,7. Tổng diện tích là 481m².

[5.2] Theo sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ diện tích đất tại thửa đất số 31a + 32, tờ bản đồ số 30: Thôn Dương Tiên, xã Trấn Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, như sau: Phía Đông giáp đất ông Khởi kích thước 26,13m + 29,72m; phía Bắc giáp quốc lộ 17 kích thước 4,67m + 7,51m; phía Tây giáp đất ông T kích thước 7,2m + 19,25m + 7,7m + 3,8m + 6,2m + 4,05m (tại các mốc 11, 10, 8, 7, 1, 2, 3, 4, 5); phía Nam kích thước 6,2m + 2,64m, 1,0m.

[6] Như vậy, so sánh sơ đồ hiện trạng sử dụng đất với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo sơ đồ lồng ghép thì diện tích đất của nhà ông Nguyễn Thế T thừa về phía Bắc và phía Đông phần đất giáp đất nhà bà T1 (giáp đường 17A) là 3,6m² theo các mốc 10, 11, 12; thiếu về phía Đông phần đất giáp đất bà T1 là 39,4m² tại các mốc 4, 5, 6, 9, 10, 8, 7, 1, 4 (trong đó có 10,7m² đất ở và đất vườn thuộc thửa đất số 30a và 28,7m² đất ao thuộc thửa đất số 29) và thiếu về phía Nam phần đất giáp bà T1 là 25,8m² đất ao tại thửa đất số 29 tờ bản đồ số 30 tại các mốc 1, 2, 3, 4, 1; thiếu

về phần đất giáp các hộ xung quanh về phía tây và phía Nam (ông Quyết, ông Hiếu, ông Khoa) tại các mốc 13, 14, 15, 16, 3, 4, 17 diện tích 34,5m².

[7] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Nguyễn Thế T yêu cầu bà Bùi Thị T1 phải trả lại phần diện tích đất lấn chiếm là 65,2m² tại thửa đất số 29 và 30a tờ bản đồ số 30; địa chỉ: Thôn Dương Tiên, xã Trán Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng là có căn cứ.

[8] Về kháng cáo của ông T yêu cầu: Buộc bà T1 phải tháo dỡ công trình trên đất để trả cho ông Nguyễn Thế T diện tích đất 65,2m² tại thửa đất số 29 và thửa đất số 30a tờ bản đồ số 30; địa chỉ: Thôn Dương Tiên, xã Trán Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[8.1] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét: Trên phần diện tích đất mà bà T1 đã lấn chiếm của gia đình ông T thì bà T1 đã xây dựng công trình kiên cố và toàn bộ công trình kiên cố này đều nằm trên nền móng tường cũ mà bà T1 đã xây dựng từ những năm 1990.

[8.2] Hiện nay công trình xây dựng kiên cố của gia đình bà T1 nằm trên 2 phần đất: Phần công trình nằm trên diện tích đất ở và đất vườn của gia đình ông T được xác định là 10,7m² và phần công trình nằm trên đất ao của gia đình ông T được xác định là 0,4m². Diện tích đất còn lại mà bà T1 lấn sang đất nhà ông T là 54,1m² không có công trình xây dựng. Nếu buộc bà T1 phải tháo dỡ toàn bộ công trình trên đất để trả cho ông Nguyễn Thế T diện tích đất 65,2m² sẽ dẫn đến gia đình bà T1 mất nhà ở, mất công trình gắn liền với đất, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của gia đình bà T1. Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà Bùi Thị T1 trả đất đối với phần diện tích 54,1m² đất ao không có công trình trên đất tại thửa đất 29 và phải trả lại giá trị bằng tiền đối với phần đất lấn chiếm có công trình kiên cố diện tích là 10,7m² đất ở và đất vườn tại thửa đất số 30a và 0,4m² đất ao tại thửa đất số 29 là có căn cứ, phù hợp với pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T về việc bà T1 phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên đất để trả cho ông Nguyễn Thế T diện tích đất 65,2m² tại thửa đất số 29 và thửa đất số 30a tờ bản đồ số 30; địa chỉ: Thôn Dương Tiên, xã Trán Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[9] Việc ông T kháng cáo không đồng ý trả bị đơn diện tích đất 3,6m² đất. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét: Tòa án cấp sơ thẩm đã lồng ghép giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông T với hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông T cho kết quả: Đất hiện trạng của gia đình ông T thấy thừa ra 3,6m² tại các mốc 10, 11, 12 là phần đất giáp đất bà T1 nên ông T phải trả lại phần đất thừa ra 3,6m² cho bà Bùi Thị T1. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo nội dung này của ông T.

[10] Ngoài các nội dung kháng cáo trên, nguyên đơn còn kháng cáo về việc yêu cầu bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét: Tòa án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn nên nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu ½ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là có căn cứ, phù hợp với Điều 165 Bộ

luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về việc bị đơn phải chịu cả số tiền chi phí tố tụng.

- Xét kháng cáo của bị đơn về việc không đồng ý trả nguyên đơn diện tích đất 65,2m² tại thửa đất số 29 và thửa đất số 30a tờ bản đồ số 30; địa chỉ: Thôn Dương Tiền, xã Trán Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng:

[11] Như đã phân tích ở trên, tổng diện tích đất mà bà Bùi Thị T1 đang lấn sang nhà gia đình ông T là 65,2m² đất. Như vậy, Tòa sơ thẩm xác định nguyên đơn yêu cầu bà Bùi Thị T1 phải trả lại phần diện tích đất lấn chiếm là 65,2m² tại thửa đất số 29 và 30a tờ bản đồ số 30 là có căn cứ.

- Xét kháng cáo của bị đơn yêu cầu gia đình nguyên đơn phải trả bị đơn diện tích đất phía mặt đường 17 với chiều ngang 1,2m; chiều dài từ mặt đường tới hết diện tích đất và buộc nguyên đơn phải trả cho bị đơn số tiền 44.480.000 đồng là số tiền nhà nước bồi thường về đất.

[12] Xét tài liệu trong hồ sơ thể hiện: Sơ đồ lồng ghép giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông T với hiện trạng sử dụng đất thì đất nhà ông T xác định được, đất gia đình ông T thừa 3,6m² tại các mốc 10, 11, 12 giáp đất gia đình bà T1. Do đó, Tòa án sơ thẩm đã xử buộc ông T phải trả lại 3,6m² tại các mốc 10, 11, 12 cho bà Bùi Thị T1; không có căn cứ xác định ông T lấn chiếm đất nhà bà T1 phía mặt đường 17, chiều ngang 1,2m dài hết đất như bà T1 kháng cáo.

[13] Tài liệu tại hồ sơ thể hiện: UBND huyện Vĩnh Bảo bồi thường diện tích đất cho gia đình ông T là số tiền 44.480.000 đồng, diện tích đất được bồi thường không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông T mà là đất hành lang giao thông. Theo nội dung Biên bản xác minh tại UBND xã Trán Dương thể hiện: Phần diện tích đất mà gia đình ông T được nhà nước bồi thường là do gia đình ông T sử dụng từ trước năm 1993 đến nay và diện tích đất mà gia đình ông T được bồi thường không phải là đất của gia đình bà T1. Do đó, kháng cáo của bà T1 về việc yêu cầu nguyên đơn bồi thường số tiền 44.480.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[14] Như vậy, Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST ngày 13/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo – nay là Tòa án nhân dân khu vực 7, thành phố Hải Phòng xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế T và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị T1 là có căn cứ.

[15] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, do nguyên đơn và bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí dân sự phúc thẩm nên nguyên đơn và bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[16] Về vấn đề khác: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST ngày 13/06/2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng – nay là Tòa án nhân dân khu vực 7, thành phố Hải Phòng đã tuyên các mốc giới diện tích đất mà các bên phải trả cho nhau và án phí dân sự sơ thẩm là chưa chính xác. Tuy nhiên,

trước khi Tòa phúc thẩm xét xử vụ án, Tòa án sơ thẩm đã có Quyết định sửa chữa Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST ngày 13/06/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7, thành phố Hải Phòng về việc sửa mốc giới diện tích đất mà các bên phải trả cho nhau và sửa án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST ngày 13/06/2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng – nay là Tòa án nhân dân khu vực 7, thành phố Hải Phòng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thế T và bà Bùi Thị T1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST ngày 13/06/2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng - nay là Tòa án nhân dân khu vực 7, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 174; 175; 176 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 170; 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 12 Luật Người cao tuổi;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm đ khoản 2 Điều 12; khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế T.

1.1. Buộc bà Bùi Thị T1 phải trả cho ông Nguyễn Thế T diện tích 65,2m² đất tại thửa đất số 29 và thửa đất số 30a tờ bản đồ số 30; địa chỉ: Thôn Dương Tiên, xã Trần Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Trong đó:

- Trả bằng tiền đối với diện tích 10,7m² đất ở, đất vườn tại thửa đất số 30a và 0,4m² đất ao tại thửa đất số 29 (được giới hạn bởi các mốc 6, 7, 8, 9, 10) tương đương với số tiền là 214.240.000đ (Hai trăm mười bốn triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Trả bằng đất đối với diện tích 54,1m² đất ao tại thửa đất 29 tờ bản đồ số 30; địa chỉ: Thôn Dương Tiên, xã Trần Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (được giới hạn bởi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 1).

1.2. Bà Bùi Thị T1 được quyền sử dụng diện tích diện tích 10,7m² đất ở và đất vườn tại thửa đất số 30a và 0,4m² đất ao tại thửa đất 29 (được giới hạn bởi các mốc 6, 7, 8, 9, 10).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị T1.

2.1. Buộc ông Nguyễn Thế T phải trả cho bà Bùi Thị T1 diện tích 3,6m² đất tại thửa đất 31a tờ bản đồ số 30; địa chỉ: Thôn Dương Tiền, xã Trấn Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (được giới hạn bởi các mốc 10, 11, 12).

2.2. Bác yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị T1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Thế T phải hoàn trả số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng là 44.480.000đ (Bốn mươi tư triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh và đăng ký quyền sử dụng đất theo sơ đồ hiện trạng kèm theo bản án này.

3. Về chí phí tố tụng: Bà Bùi Thị T1 phải có nghĩa vụ hoàn trả lại ông Nguyễn Thế T số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Thế T và bà Bùi Thị T1. Hoàn trả lại cho bà Bùi Thị T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 000661 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (Nay là Thi hành án dân sự khu vực 7 - Hải Phòng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thế T và bà Bùi Thị T1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- THADS khu vực 7 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- TAND khu vực 7 - Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Hằng

